

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2021
V/v Tranh chấp chia tài sản sau
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Khắc Quỳnh;
2. Bà Lưu Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 702/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Thanh T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 4A ấp G, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Hồ Thị Kim H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 47/7B ấp G, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thụy Hải Đường – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đường Phúc – Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ: Số 58, đường Lý Thường Kiệt, khu phố Hiệp Định, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 4A, ấp G, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

4. *Người làm chứng:* Anh Trương Hoàng D, sinh năm 1979 (có mặt); chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1985 (vắng mặt). Địa chỉ: ấp G, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn - anh Trương Thanh T trình bày:

Ngày 17/9/2013 anh T và chị H ly hôn, trước khi ly hôn thì anh chị có lập “giấy thỏa thuận” về việc phân chia tài sản trong đó có thỏa thuận nội dung chị H có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng cho anh T nhưng sau đó chị H đổi ý không thực hiện. Phần đất có diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, theo giấy chứng nhận số: CH 02583 cấp ngày 06/5/2013 tại ấp Trường Phước, xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc là của mẹ ruột anh T là bà Huỳnh Thị N nhận chuyển nhượng của bà Quảng Thị Lan nhưng do bà N không có hộ khẩu, không đứng tên được nên nhờ hai vợ chồng em ruột anh T là anh D và chị Trang đứng tên giữ. Khi bà N cần tiền làm vốn làm ăn thì vợ chồng anh D không đồng ý vay tiền nên đã làm thủ tục sang tên lại cho vợ chồng anh T và chị H đứng tên giữ để vay tiền ngân hàng về đưa cho bà N. Thực tế anh T và chị H không có mua phần đất nêu trên của anh D, chị Trang.

Nay anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02583 cấp ngày 06/5/2013 do anh T và chị H đứng tên là tài sản riêng của anh T. Buộc chị H có trách nhiệm thực hiện thủ tục sang tên cho anh T đứng tên theo như giấy thỏa thuận ngày 21/8/2013 do chị H và anh T lập. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh T đang cất giữ, không có cầm cố hay thế chấp cho tổ chức, cá nhân nào.

Anh T xin rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 30/12/2019 về việc chia 01 căn nhà tường được xây cất trên đất tại số 47/7B, ấp Trường Giang, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; 01 tivi sam sung, 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 02 tủ ly.

Anh T thống nhất với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản ngày 08/11/2018 và ngày 31/10/2019, anh không có yêu cầu định giá lại. Ngoài ra, anh T không có tranh chấp đối với tài sản nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Hồ Thị Kim H trình bày:

Chị H xác nhận trước khi anh T chị H ly hôn có lập giấy thỏa thuận về việc phân chia tài sản, do trong quá trình chung sống vợ chồng chị bị hành hạ, ngược đãi nên mong muốn của chị được ly hôn nhanh với anh T nên tài sản hai bên tự thỏa thuận nhưng sau khi ly hôn chị suy nghĩ lại đó là tài sản chung nếu thỏa thuận như vậy là thiệt thòi quyền lợi cho mẹ con chị nên chị không đồng ý thực hiện theo giấy thỏa thuận. Chị xác nhận phần đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp Trường Phước, xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; trên đất có một căn nhà cấp 4 là do chị H và anh T mua lại của anh D và chị Trang (em ruột anh T) vào khoản tháng 5/2013, khi mua xong chị H có ý định để ở nhưng do không thỏa thuận được với bà N, sau đó tình cảm giữa chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn, chị H xác định đây là tài sản chung của vợ chồng nên chị

H không đồng ý theo yêu cầu của anh T về việc chị H phải làm thủ tục sang tên lại cho anh T theo như giấy thỏa thuận ngày 21/8/2013;

Chị H có yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản và nhà đất nêu trên cho hai vợ chồng, chị H được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nhà và đất. Về giá trị đất chị H thống nhất với biên bản định giá ngày 30/10/2019, riêng phần căn nhà và các tài sản khác trên đất chị H thống nhất với biên bản định giá ngày 08/11/2018. Khi chia chị H yêu cầu nhận tài sản là tiền bằng số tiền tương ứng với $\frac{1}{2}$ tài sản là 154.000.000 đồng. Ngoài ra chị H không có yêu cầu chia đôi với tài sản nào khác.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của bị đơn, không có ý kiến bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - bà Huỳnh Thị N trình bày:

Bà N xác định quyền sử dụng đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02583 cấp ngày 06/5/2013 có nguồn gốc do bà nhận chuyển nhượng của bà Quãng Thị Lan với số tiền 28.000.000 đồng, khi mua có viết giấy tay. Do không có giấy tờ tùy thân nên bà nhờ con trai Trương Hoàng D và con dâu Nguyễn Thị Thu T đứng tên giùm. Do cần vay vốn ngân hàng nhưng vợ chồng anh D sợ nợ nên chị H anh T nói bà N sang tên cho vợ chồng anh chị để vay tiền cho bà nhưng sau đó vợ chồng anh T phát sinh mâu thuẫn và ly hôn nên sự việc kéo dài cho đến nay.

Nay bà N có yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị H trả lại phần đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02583 cấp ngày 06/5/2013 cho bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người làm chứng trình bày: Anh Trương Hoàng D thống nhất lời trình bày của bà Huỳnh Thị N về nguồn gốc quyền sử dụng đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9. Tuy nhiên, khi vợ chồng anh sang tên cho anh T chị H đứng tên theo hình thức “em tặng cho anh” để đứng tên giùm cho mẹ là bà N nhưng khi làm hợp đồng chuyển nhượng thì anh không có đọc nội dung, anh xác định chữ ký tên và chữ viết trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên là đúng của vợ chồng anh. Việc thỏa thuận sang tên cho anh T chị H đứng tên quyền sử dụng đất giùm chỉ nói miệng nên anh không giấy tờ để chứng minh.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Xác định tài sản quyền sử dụng đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9 là tài sản chung của vợ chồng, do anh T và chị H nhận chuyển nhượng hợp pháp của anh D, chị Trang trong thời kỳ hôn nhân. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất trị giá thành tiền là 154.000.000 đồng;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, trễ hạn 10 tháng 10 ngày;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Thanh T về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn;

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Hồ Thị Kim H. Buộc anh Trương Thanh T có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Hồ Thị Kim H số tiền trị giá $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tranh chấp là 154.000.000 đồng. Anh Trương Thanh T được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 111,3m², số thửa 515, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02583 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành cấp ngày 06/5/2013; địa chỉ thửa đất: ấp Trường Phước, xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; Anh Trương Thanh T được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm 01 căn nhà tường cấp 4C, móng gạch, đá 4x6, nền gạch men, cửa sắt gắn kính, tường xây gạch quét vôi, cột gạch; kèo, đòn tay gỗ xây dựng, trần tole lạnh, mái tole có diện tích 59,6m²; 01 nhà vệ sinh diện tích 3,15m²; 01 mái che khung sắt tiền chế mái tole, diện tích 16m²;

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung về “tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” ngày 30/12/2019 của anh Trương Thanh T;

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị N về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02583 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành cấp ngày 06/5/2013;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh T, chị H, bà N phải chịu tiền án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Trương Thanh T và chị Hồ Thị Kim H được Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành) công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự theo Quyết định số 255/2013/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2013 (bút lục số 07); trong đó về tài sản chung và nợ chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh chị không tự thỏa thuận được và có tranh chấp nên anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, vụ án được xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn” là phù hợp theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự

và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Trước khi anh T và chị H được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn thì vào ngày 21/8/2013 anh chị có lập “giấy thỏa thuận” về tài sản (bút lục số 39) nhưng không có công chứng, chứng thực; trong đó có thỏa thuận về nhiều tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, hiện nay anh chị chỉ tranh chấp đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, tại ấp Trường Phước, xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh chị không có tranh chấp hay yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản khác.

[3] Căn cứ biên bản đo đạc, định giá tài sản và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/11/2018 (bút lục 69 đến 72) và biên bản định giá lại ngày 30/10/2019 (bút lục số 114) thì hiện trạng tài sản tranh chấp như sau:

[3.1] Phần đất diện tích 111,3m²; có tứ cận: Đông giáp thửa 505 dài 26,9m; Tây giáp thửa 387 dài 28,6m; Nam giáp đường 10m dài 04m; Bắc giáp đường 10m (quy hoạch dài 4,74m); giá đất thực tế 2.156.000 đồng/m²; thành tiền 239.962.800 đồng.

[3.2] Trên đất có căn nhà tường cấp 4C, móng gạch, đá 4x6, nền gạch men, cửa sắt gắn kính, tường xây gạch quét vôi, cột gạch; kèo, đòn tay gỗ xây dựng, trần tole lạnh, mái tole có diện tích 59,6m² giá trị còn lại 64.281.580 đồng; 01 nhà vệ sinh diện tích 3,15m² giá trị còn lại 1.853.145 đồng; 01 mái che khung sắt tiền chế mái tole, diện tích 16m² giá trị còn lại 3.180.000 đồng; tổng cộng 69.314.725 đồng.

[4] Xét nguồn gốc phần đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, tại ấp Trường Phước, xã Trường Tây, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trương Thanh T, chị Hồ Thị Kim H, bà Huỳnh Thị N thống nhất xác nhận phần đất có nguồn gốc do bà Huỳnh Thị N nhận chuyển nhượng của bà Quãng Thị Lan. Do bà N không có giấy tờ tùy thân nên bà nhờ con trai ruột là anh Trương Hoàng D và con dâu chị Nguyễn Thị Thu T đứng tên giùm. Mặc dù việc đứng tên giùm không có giấy tờ nhưng các đương sự đều thừa nhận nên là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh; anh D, chị Trang được Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 819270 ngày 10/5/2011 (bút lục số 47).

[4.1] Anh T, bà N, anh D, chị Trang thống nhất trình bày đến năm 2013 do bà N cần vay vốn nhưng vợ chồng anh D không đồng ý vay nên vợ chồng anh D đã sang tên cho vợ chồng anh T chị H đứng tên giùm theo hình thức “em tặng cho anh”, không có việc mua bán chuyển nhượng nhưng chị H không thống nhất lời trình bày cho rằng anh T chị H đứng tên giùm thửa đất trên cho bà N mà do anh chị nhận chuyển nhượng từ vợ chồng anh D, chị Trang. Do có tranh chấp nên các đương sự phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh; tuy nhiên anh T, anh D, bà N không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày là anh T và chị H đứng tên giùm cho bà N quyền sử dụng đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, tại ấp Trường Phước, xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4.2] Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T, chị H được lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hòa Thành (bút lục số

48 đến 61) thể hiện anh Trương Hoàng D và chị Nguyễn Thị Thu T có chuyên nhượng cho anh Trương Thanh T, chị Hồ Thị Kim H phần đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, tại ấp Trường Phước, xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh do anh D, chị Trang đứng tên; giá chuyên nhượng 28.000.000 đồng; hợp đồng chuyên nhượng được Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh chứng thực ngày 20 tháng 3 năm 2013; hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T, chị H là hợp pháp. Do đó, lời trình bày của chị H về nguồn gốc quyền sử dụng đất tranh chấp do anh D, chị Trang chuyên nhượng cho anh T, chị H là có căn cứ.

[5] Anh Trương Thanh T trình bày tài sản là quyền sử dụng đất nói trên là tài sản riêng của anh T nhưng anh không cung cấp được chứng cứ để chứng minh; căn cứ Khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình khi vợ, chồng có tranh chấp nếu “không có căn cứ để chứng minh tài sản đang tranh chấp là tài sản riêng thì tài sản đó được coi là tài sản chung” và căn cứ Khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân.... Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng”. Do đó, có cơ sở xác định quyền sử dụng đất tranh chấp là tài sản chung của anh T và chị H trong thời kỳ hôn nhân; anh T trình bày tài sản riêng là không phù hợp và mâu thuẫn với lời trình bày của anh về việc anh và chị H đứng tên giùm cho bà N; bởi lẽ nếu anh chị đứng tên giùm thì tài sản này không phải là tài sản riêng của anh.

[6] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02583 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06/5/2013 là tài sản riêng của anh T. Buộc chị H có trách nhiệm thực hiện thủ tục sang tên cho anh T đứng tên là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[7] Ngày 22/3/2021 anh T rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc chia 01 căn nhà tường được xây cất tại số 47/7B, ấp Trường Giang, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; 01 tivi sam sung, 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 02 tủ ly. Xét thấy việc anh T rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện và Tòa án chấp nhận nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bổ sung của anh T là phù hợp.

[8] Xét yêu cầu phản tố của chị H về việc chia tài sản là phần đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9 do anh T và chị H đứng tên là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến các yếu tố theo luật định nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên khi phân chia tài sản; anh T hiện là người đang trực tiếp sử dụng tài sản từ khi anh chị ly hôn cho đến nay nên cần tính đến công sức đóng góp quản lý, giữ gìn tài sản. Do đó, chia cho anh T được hưởng 6 phần và chị H được hưởng 4 phần trong khối tài sản chung và cần giao cho anh T được quyền tiếp tục sở hữu, sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản trên đất tại thửa đất số 515, tờ

bản đồ số 9, tại ấp Trường Phước, xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp; anh T có nghĩa vụ hoàn lại cho chị H phần giá trị tài sản được chia trị giá thành tiền là 123.710.800 đồng;

[9] Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thị N về việc đòi lại tài sản bà cho anh T, chị H đứng tên giữ quyền sử dụng đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02583 cấp ngày 06/5/2013 nhưng bà không có chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của bà là hợp pháp nên không được chấp nhận.

[10] Xét ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chỉ có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu của chị Hồ Thị Kim H.

[11] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết, nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đề nghị giải quyết yêu cầu phân tố của chị H được chia ½ giá trị tài sản là chưa xem xét đến công sức quản lý, giữ gìn tài sản của anh T nên chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33; 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166 Bộ luật dân sự; Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Thanh T đối với chị Hồ Thị Kim H yêu cầu xác định quyền sử dụng đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02583 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06/5/2013 là tài sản riêng của anh T.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung về “tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” ngày 30/12/2019 của anh Trương Thanh T;

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của chị Hồ Thị Kim H về “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” đối với anh Trương Thanh T.

Buộc anh Trương Thanh T có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Hồ Thị Kim H số tiền 123.710.800 đồng (một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm mười nghìn tám trăm đồng)

Anh Trương Thanh T được quyền quản lý, sử dụng và thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 111,3m², số thửa 515, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02583 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành cấp ngày 06/5/2013; địa chỉ thửa đất: ấp Trường Phước, xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận: Đông giáp thửa 505 dài 26,9m; Tây giáp thửa 387 dài 28,6m; Nam giáp đường 10m dài 04m; Bắc giáp đường 10m (quy hoạch dài 4,74m);

Anh Trương Thanh T được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm 01 căn nhà tường cấp 4C, móng gạch, đá 4x6, nền gạch men, cửa sắt gắn kính, tường xây gạch quét vôi, cột gạch; kèo, đòn tay gỗ xây dựng, trần tole lạnh, mái tole có diện tích 59,6m²; 01 nhà vệ sinh diện tích 3,15m²; 01 mái che khung sắt tiền chế mái tole, diện tích 16m²;

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị N về việc đòi tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 111,3m², thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02583 cấp ngày 06/5/2013;

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Anh Trương Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận và 9.278.000 đồng tiền án phí chia tài sản; tổng cộng 9.578.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0012570 ngày 16/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Thành. Anh Trương Thanh T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0008394 ngày 31/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đối với yêu cầu bổ sung bị đình chỉ. Khấu trừ nên anh T còn phải nộp 4.578.000 đồng;

5.2. Chị Hồ Thị Kim H phải chịu 6.185.500 đồng tiền án phí chia tài sản nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 3.850.000 đồng theo biên lai thu số 0008379 ngày 27/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị H còn phải nộp 2.335.500 đồng;

5.3. Bà Huỳnh Thị N là người cao tuổi theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên bà N không phải chịu tiền án phí;

6. Về chi phí tố tụng khác:

Anh Trương Thanh T và chị Hồ Thị Kim H mỗi người phải chịu 1.400.000 đồng tiền chi phí đo đạc định giá, xem xét thẩm định tại chỗ. Ghi nhận anh chị đã nộp xong.

7. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

8. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

9. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS TX Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Lắm